

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/DS-ST

Ngày: 13-7-2017

“V/v tranh chấp nợ hui”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA AN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Nhữ Khuyên**

Các vị Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Tấn Liêm**
2. Ông **Nguyễn Quốc Trung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Văn Khải** là Thư ký Tòa An nhân dân huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CAi Nước tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hằng Mơ** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2017. Về việc “*Tranh chấp nợ hui*” theo QuyềAt định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị A– sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Đ M, xã TT, huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị H - sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn G (G) - sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ M, xã TT, huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị M - sinh năm 1955 (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ M, xã TT, huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ AN

Theo bà Tô Thị A trình bày:

Vào ngày 15/9/2014 âm lịch, bà A có mở dây hui 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai hui một lần, dây hui gồm có 34 chân do bà làm chủ. Khi bà mở hui thì bà Đoàn Thị H và chồng là ông Nguyễn Văn G có tham gia 03 chân (trong danh sách hui đề tên là “sui út G”). Đến lần khai hui thứ hai thì bà H và ông G hốt một chân (vào tháng 9 âm lịch sau của năm 2014, do năm 2014 nhuận hai tháng 9). Đến ngày

15/10/2014 bà H và ông G bỏ hụi hốt chân thứ hai. Đến ngày 15/3/2016 bà H và ông G hốt chân hụi thứ ba. Sau khi hốt chân hụi thứ ba thì bà H và ông G chỉ đóng 02 chân hụi chết, còn lại 01 chân chết bà H và ông G không đóng. Bà Anhiều lần yêu cầu bà H và ông G đóng đầy đủ hụi chết cho bà để bà chung hụi cho những người tham gia khAc (gọi là tay em) nhưng bà H và ông G không thực hiện. Bà H và ông G cho rằng trong 03 chân hụi có 01 chân ông bà chơi dùm cho bà Bùi Thị M nên chân hụi này ông bà không có nghĩa vụ đóng. Bà Akhông biết việc bà H và ông G có vô dùm cho bà M 01 chân hụi vì khi tham gia thì bà H và ông G đăng ký tham gia 03 chân, khi khui hụi thì bà H cũng đi khui rồi bỏ hụi hốt và khi giao tiền hụi thì bà H cũng là người nhận tiền và có ký tên. Từ khi mở hụi cho đến nay bà M và bà Tr không có lần nào đến nhà bà để khui hụi. Hiện tại dây hụi đã mất. Tại phiên tòa bà Ayêu cầu bà H và ông G trả cho bà 14 lần hụi chết x 2.000.000 đồng/lần = 28.000.000 đồng.

Theo bà Đoàn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi 03 chân hụi 2.000.000 đồng, mỗi thAng khui hụi 01 lần do bà Alàm chủ hụi, hụi khui mở đầu vào ngày 15/9/2014 âm lịch. Trong 03 chân hụi bà tham gia chơi đề tên là “sui út G” thì có 01 chân bà chơi dùm cho bà M, nhưng thực tế bà M nhờ bà chơi dùm cho bà Nguyễn Thị Tr. Thời gian đầu bà Tr có gửi tiền cho bà đóng hụi cho bà Adầy đủ nhưng từ ngày 15/4/2016 đến nay bà Tr không có gửi tiền đóng hụi cho bà A, bà H cũng không có khả năng đóng hụi cho bà Athay cho bà Tr. Bà thừa nhận bà là người trực tiếp đi khui hụi và hốt hụi, bà cũng trực tiếp nhận tiền giao hụi từ bà Anhung sau đó bà giao toàn bộ số tiền hụi lại cho bà Tr. Khi bà tham gia hụi dùm cho bà Tr thì bà có nói với bà Abiết và bà Acũng có đến nhà bà Tr gom tiền hụi vài lần. Bà thừa nhận chân hụi bà tham gia dùm bà Tr còn nợ bà A14 lần tính đến ngày mất hụi. Đối với yêu cầu của bà Athì bà không đồng ý trả nợ hụi vì bà Tr nợ hụi chứ bà không có nợ. Bà và ông G hiện nay đang là vợ chồng sống chung nhà nhưng việc bà tham gia hụi do bà H làm chủ thì chồng bà không biết.

Theo bà Bùi Thị M trình bày:

Bà thừa nhận bà Tr có nhờ bà tham gia dùm một chân hụi, Sau đó, bà mới nhờ bà H tham gia dùm bà Tr 01 chân hụi 2.000.000 đồng, mỗi thAng khui hụi 01 lần do bà Alàm chủ. Khi tham gia hụi thì bà có nói với bà Alà tham gia dùm cho bà Tr, khi bà nói như vậy thì bà Anói tham gia dùm cho ai cũng được nhưng tiền hụi phải đóng đầy đủ cho bà A. Chân hụi bà Ayêu cầu bà H trả là của bà Tr nợ chứ không phải bà H nợ. Khi hốt hụi là bà H trực tiếp hốt và bà H cũng nhận tiền hụi từ bà Avà giao lại cho bà Tr chứ không có giao tiền cho bà M.

Theo bà Nguyễn Thị Tr trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của bà M và bà H là đúng. Vào thAng 9 năm 2014 âm lịch bà có nhờ bà M tham gia dùm một chân hụi 2.000.000 đồng, mỗi thAng khui hụi một lần. Sau đó, bà M mới nhờ lại bà H trực tiếp gặp bà Ađăng ký tham gia hụi dùm cho bà. Bà M nhờ bà H chơi dùm cho bà một chân hụi 2.000.000 đồng/thAng do bà Alàm chủ thì bà có biết. Lý do bà không trực tiếp tham gia hụi mà nhờ bà M và bà H tham gia dùm là vì bà ở xa nhà bà Avà do bà với bà Akhông thân thiết. Đến lần khui hụi thứ hai thì bà nhờ bà H hốt hụi dùm. Khi bà Agiao hụi thì bà H nhận tiền và giao toàn bộ số tiền hốt hụi cho bà,

bà không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu nhưng bà nhận được hơn 30.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà có đưa tiền cho bà H đóng hụi chết đến lần thứ 20, từ lần thứ 21 đến nay bà không có đưa tiền cho bà H đóng hụi cho bà A. Bà thừa nhận tính đến ngày mãn hụi thì bà còn thiếu bà A 14 lần hụi chết là 28.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà A số tiền trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CAi Nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Tô Thị A về việc yêu cầu bà Đoàn Thị Hèn và ông Nguyễn Văn G trả số tiền nợ hụi là 28.000.000 đồng. Buộc bà H và ông G phải chịu An phí theo quy định pháp luật.

TÒA AN NHÂN ĐỊNH

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp Ga nguyên đơn là bà Tô Thị A với bị đơn là bà Đoàn Thị H, ông Nguyễn Văn G là “Tranh chấp nợ hụi” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ An thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa An theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ tại ấp Đ M, xã TT, huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa An nhân dân huyện CAi Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thời hiệu khởi kiện: Tại hồ sơ thể hiện bà A mở hụi 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 15/9/2014, bà H và ông G trực tiếp tham gia 03 chân hụi, đến lần khai hụi thứ 02 thì bà H và ông G hốt 01 chân hụi, đến ngày 15/10/2014 thì bà H và ông G hốt chân hụi thứ 02, đến ngày 15/3/2016 bà H và ông G hốt chân hụi thứ 03. Từ tháng 4 năm 2016 thì bà H và ông G chỉ đóng cho bà A 02 chân hụi chết, còn lại 01 chân hụi chết bà H và ông G không đóng hụi cho bà A. Đến ngày 05/01/2017 bà A làm đơn khởi kiện bà H và ông G, được Tòa An nhân dân huyện CAi Nước thụ lý giải quyết vào ngày 09/01/2017. Do đó, việc khởi kiện của bà A đối với bà H và ông G là còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp của vụ An, Hội đồng xét xử xét thấy: việc bà H tham gia chơi 03 chân hụi do bà A làm chủ, hụi mở vào ngày 15/9/2014 âm lịch là thực tế có xảy ra được bà H thừa nhận. Tại Hợp đồng giao kèo tổ hùn vốn cũng thể hiện bà H và ông G có tham gia hụi cụ thể là “sui út G” 03 chân. Tính đến ngày 15/3/2016 thì bà H và ông G hốt hết toàn bộ 03 chân hụi, đến tháng 4 năm 2016 thì bà H chỉ đóng cho bà A 02 chân hụi chết, còn lại 01 chân hụi chết bà H không đóng cho bà A. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bà H cho rằng chân hụi bà không đóng hụi chết cho bà A là do bà M nhờ bà chơi dùm cho bà Tr nhưng bà Tr không còn khả năng đóng hụi nữa nên bà không đóng hụi cho bà A. Bà H cho rằng chân hụi bà A khởi kiện là do bà Tr nợ nên bà Tr phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà A. Bà H cũng thừa nhận đến ngày mãn hụi thì còn nợ bà A 14 lần hụi chết x 2.000.000 đồng = 28.000.000 đồng. Bà M và bà Tr cũng thừa nhận chân hụi nợ bà A của bà Tr, bà Tr đồng ý trả nợ cho bà A nhưng bà A không đồng ý, bà A yêu cầu bà H và ông G phải có nghĩa vụ trả nợ hụi cho bà.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bà H, bà M và bà Tr đều thừa nhận số tiền nợ hụi bà A khởi kiện là của bà Tr. Bà Tr cũng đồng ý trả nợ cho bà A. Tuy nhiên, bà H và ông G trực tiếp đăng ký tham gia với tên trong danh sách hụi là “sui út G”

03 chân. Bà H là người trực tiếp đi khai hụi và hốt hụi, khi bà A đến nhà ông G bà H giao tiền hụi đã hốt thì bà H cũng trực tiếp nhận tiền từ bà A. Bà Agom hụi chết cũng trực tiếp từ bà H không thông qua bà Tr. Bà Acũng không biết bà H tham gia hụi dùm bà Tr. Qua xAc minh thực tế hụi viên chung đây hụi đều xAc định khi tham gia hụi thì bà Acó đưa danh sAch hụi cho hụi viên theo dõi, trong danh sAch hụi thì hụi viên thấy có tên “sui út G” là chồng của bà H tham gia chơi 03 chân, hàng thAng hụi viên đi khai hụi cũng có gặp bà H đi khai hụi chung. Do đó, việc bà Ayêu cầu ông G và bà H trả nợ hụi là phù hợp. Bà A, bà H, bà Tr và bà M đều thừa nhận từ ngày bà H không đóng hụi chết đến khi mãn hụi là 14 lần tương đương số tiền là 28.000.000 đồng. Đối với số tiền này hiện tại bà Alà chủ hụi đã nộp thay cho bà H (tràng hụi) cho những người tham gia khAc, đây hụi hiện tại cũng đã mãn. Bà Achỉ yêu cầu bà H và ông G trả nợ hụi là 28.000.000 đồng, không yêu cầu bà M và bà Tr trả nợ hụi.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sAt nhân dân huyện CAi Nước là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông G tuy không trực tiếp tham gia hụi nhưng ông G đứng tên trong danh sAch hụi và trong thời gian bà H tham gia hụi do bà Alà chủ thì ông G và bà H là vợ chồng, hiện tại quan hệ hôn nhân Ga bà H và ông G đang tồn tại nên ông G phải có trAch nhiệm liên đới với bà H trả số tiền nợ hụi cho bà A.

Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy yêu cầu của bà A đối với bà H và ông G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ. Buộc bà H và ông G phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà A số tiền 28.000.000 đồng.

[5] Đối với ông Nguyễn Văn G, sau khi thụ lý giải quyết vụ An, Tòa An nhân dân huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa An theo quy định tại Điều 205 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa An nhân dân huyện CAi Nước không tiến hành hòa giải được vụ An theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa An nhân dân huyện CAi Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ An ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập ông G hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập ông G đến Tòa An nhân dân huyện CAi Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông G vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa An nhân dân huyện CAi Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông G. Ông G không đến Tòa An để tham gia hòa giải và tham dự phiên tòa xét xử, ông G cũng không có ý kiến gì về yêu cầu trả nợ của bà A đối với ông và bà H.

Tại phiên tòa bà H, bà M và bà Tr vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì khAc gửi cho Tòa An nên xét xử vắng mặt bà H, bà M và bà Tr theo quy định phAp luật.

[6] Đối với việc bà H chơi hụi dùm cho bà Tr, bà M thì bà H có quyền yêu cầu bà Tr, bà M trả nợ cho bà. Nếu bà H và bà Tr, bà M không thỏa thuận được thì bà H có quyền khởi kiện bà Tr, bà M thành vụ kiện dân sự khAc theo quy định của phAp luật.

[7] Về An phí dân sự có giAngạch bà H và ông G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì cAc lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng An phí và lệ phí Tòa An.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Tô Thị Adối với bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Văn G.

Buộc bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Văn G trả cho bà Tô Thị Asố tiền nợ hui là 28.000.000 đồng (Hai mươi tAm triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về An phí dân sự sơ thẩm có giAngạch: Buộc bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Văn G phải chịu An phí dân sự sơ thẩm có giAngạch là 1.400.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành An dân sự huyện CAi Nước khi An có hiệu lực pháp luật. Bà Tô Thị Akhông phải chịu An phí dân sự sơ thẩm có giAngạch. Bà Acó dự nộp số tiền tạm ứng An phí là 700.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010945 ngày 09/01/2017 của Chi cục thi hành An dân sự huyện CAi Nước. Bà Ađược nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng An phí nêu trên tại Chi cục thi hành An dân sự huyện CAi Nước khi An có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản An được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành An dân sự thì người được thi hành An dân sự, người phải thi hành An dân sự có quyền thỏa thuận thi hành An, quyền yêu cầu thi hành An, tự nguyện thi hành An hoặc bị cưỡng chế thi hành An theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành An dân sự; thời hiệu thi hành An được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành An dân sự.

An xử sơ thẩm công khai, bà Acó quyền kháng cáo bản An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên An. Ông G, bà H, bà M, bà Tr có quyền kháng cáo bản An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản An hoặc bản An được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;

- Phòng GD-KT TAT;
- Đường sù;
- Lưu VP-HS.

Trần Nhũ Khuyên

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Tấn Liêm**Nguyễn Quốc Trung****Trần Nhủ Khuyên**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh - Phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhủ Khuyên***

CÁC vị Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Tấn Liêm**

2. Ông **Nguyễn Quốc Trung**

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự về việc “Tranh chấp nợ hui” Ga:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị A – sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Đ M, xã TT, huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị H - sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn G (G) - sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ M, xã TT, huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị M - sinh năm 1955 (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Đ M, xã TT, huyện CAi Nước, tỉnh Cà Mau.

1. Về nội dung:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Tô Thị A đối với bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Văn G.

Buộc bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Văn G trả cho bà Tô Thị A số tiền nợ hui là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Kết quả biểu quyết: 3/3

Điều luật Áp dụng:

Căn cứ:

CÁC Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng An phí và lệ phí Tòa An.

- Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Về An phí dân sự sơ thẩm có gì khác: Buộc bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Văn G phải chịu An phí dân sự sơ thẩm có gì khác là 1.400.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành An dân sự huyện CAi Nước khi An có hiệu lực pháp luật. Bà Tô Thị A không phải chịu An phí dân sự sơ thẩm có gì khác. Bà A có dự nộp số tiền tạm ứng An phí là 700.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010945 ngày 09/01/2017 của Chi cục thi hành An dân sự huyện CAi Nước. Bà A được nhận lại toàn bộ số tiền

tạm ứng An phí nêu trên tại Chi cục thi hành An dân sự huyện CAi Nước khi An có hiệu lực phAp luật.

Trường hợp bản An được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành An dân sự thì người được thi hành An dân sự, người phải thi hành An dân sự có quyền thoả thuận thi hành An, quyền yêu cầu thi hành An, tự nguyện thi hành An hoặc bị cưỡng chế thi hành An theo quy định tại cAc Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành An dân sự; thời hiệu thi hành An được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành An dân sự.

An xử sơ thẩm công khai, bà Acó quyền khAng cAo bản An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên An. Ông G, bà H, bà M, bà Tr có quyền khAng cAo bản An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản An hoặc bản An được niêm yết công khai.

- KeAt quả biểu quyeAt: 3/3

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Tấn Liêm Nguyễn Quốc Trung

Trần Nhủ Khuyên